

姓名 _____

班级 _____

日期 _____

餓	餓	hungry					10
	ノ	㇀	㇁	㇂	餓	餓	
	餓	餓	餓				
è	Radical: 食(食) food						
渴		thirsty					12
	丶	灬	灬	灬	渴	渴	
	渴	渴	渴	渴			
kě	Radical: 氵(水) water						

我		I, me					8
	一	二	手	手	我	我	
wǒ	Radical: 戈 dagger-axe; weapon						

tí	héng gōu	shù gōu	shù tí	xié gōu		è	wǒ	kě	
ノ	一	丿	丨	㇀		餓	我	渴	
tí	héng gōu	shù gōu	shù tí	xié gōu		è	wǒ	kě	
ノ	一	丿	丨	㇀		餓	我	渴	